

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ

VẬN TẢI SAFI

-----☎-----

Số: 04/CBTT-SAFI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----☎-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Trụ sở chính: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38238799 - Fax: 028.38226283

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN THANH TUYỀN

Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38238799 - Fax: 028.38226283

Loại thông tin công bố: 24h yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

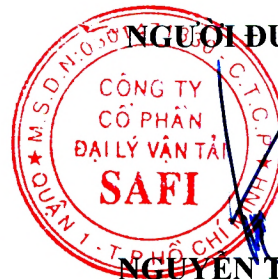
CBTT tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 08/04/2022 tại Công ty CP Đại lý Vận tải Safi - Số 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.HCM.

Tài liệu họp Đại hội sẽ được Công ty đăng tải trên website của Công ty theo đường dẫn www.safi.com.vn kể từ ngày 18/03/2022.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN CBTT



NGUYỄN THANH TUYỀN

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Ngày 08 tháng 04 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI	
Thời gian:	08h sáng thứ sáu, ngày 08/04/2022
Địa điểm:	Công ty CP Đại lý Vận tải Safi - Số 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.HCM.
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI	
8h00 – 8h45	I. ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp đón đại biểu, cổ đông đăng ký nhận tài liệu Đại hội; 2. Ổn định và chuẩn bị Đại hội;
8h45 – 9h15	II. PHẦN KHAI MẠC
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội; 2. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự; Khai mạc Đại hội; 3. Giới thiệu chương trình Đại hội; 4. Giới thiệu chủ trì Đại hội; 5. Chủ trì Đại hội giới thiệu và biểu quyết thông qua chủ tọa đoàn; 6. Chủ trì Đại hội giới thiệu Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu;
9h15 - 11h15	III. NỘI DUNG CHÍNH
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021; Kế hoạch và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty; 2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021; <p>Đệ trình Đại hội thông qua các tờ trình:</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022; 4. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022; 5. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán tài chính năm 2022 cho Công ty; 6. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2019-2022 7. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty 8. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty. 9. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua số lượng TV HĐQT, BKS và bầu TV HĐQT, TV BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027; 10. Các vấn đề khác tại Đại hội (nếu có); 11. Thảo luận; Đại hội nghỉ giải lao 30 phút;
11h15-11h30	IV. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Biên bản Đại hội; 2. Thông qua Nghị quyết Đại hội; 3. Bế mạc Đại hội.

DỰ THẢO QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

- *Luật Doanh nghiệp 2020;*
- *Luật Chứng khoán 2019;*
- *Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đại lý Vận Tải SAFI;*

PHẦN 1

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (gọi tắt là Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách ngày 28/02/2022 do VSD cung cấp.

3.2 Quyền của cổ đông

- Được biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI trước khi tiến hành Đại hội;

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo thư mời, chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân) hoặc hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền tham dự cần phải có giấy ủy quyền của người ủy quyền. Các loại giấy nêu trên sẽ được gửi cho Ban tổ chức để nhận tài liệu Đại hội và tham dự họp.
- Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết;
- Các cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của cổ đông

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty;
- Tuân thủ các quy định tại quy chế này;
- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm tiếp nhận giấy tờ của Đại biểu và cổ đông tới tham dự, kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, phát các tài liệu, Phiếu bầu cử và Phiếu biểu quyết theo đúng mẫu quy định; và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ giấy tờ tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cung cấp tài liệu Đại hội và không ghi nhận sự tham dự của cổ đông đó.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu

5.1 Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

- Thành phần: Đoàn chủ tịch gồm từ 01 đến 02 người, do Hội đồng Quản trị giới thiệu và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - + Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - + Trình dự thảo, kết luận những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - + Trả lời những nội dung do Đại hội yêu cầu;
- Quyền của Đoàn chủ tịch:
 - + Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
 - + Đoàn chủ tịch tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, phản ánh được mong muốn của cổ đông;

+ Chủ tọa Đại hội cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác trong các trường hợp quy định trong Điều lệ của Công ty. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày khai mạc Đại hội.

5.2 Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

Thư ký do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những nội dung được các cổ đông hoặc đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Soạn thảo Biên bản, Nghị quyết về các nội dung đã được thông qua tại Đại hội;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch đoàn.

5.3 Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu để Đại hội quyết định. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các nội dung thông qua tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết;
- Lập và bàn giao biên bản kiểm phiếu cho Ban tổ chức;
- Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của việc kiểm tra.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) cấp. *(Tỷ lệ này áp dụng theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020).*

Điều 7: Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung như đã gửi các cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông sẽ tổ chức làm một buổi và thông qua các nội dung sau:
 - + Giới thiệu thành phần và thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu;
 - + Thông qua Quy chế làm việc, chương trình Đại hội và nội dung phát sinh khác;
 - + Thảo luận và thông qua các nội dung trình Đại hội;
 - + Phát biểu của đại biểu tham dự;
 - + Biểu quyết thông qua các nội dung như đã được Đoàn Chủ tịch trình bày;
 - + Thông qua Biên bản Đại hội.

Điều 8: Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội sẽ được cấp Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết

các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông. Trên phiếu có ghi số đăng ký (Mã số cổ đông), họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến được thông báo ngay trong Đại hội.

Điều 9: Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đối với các quyết định về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; Dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải đạt tỷ lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- Thông qua các nội dung khác: đạt tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

(Các tỷ lệ biểu quyết này áp dụng theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

Điều 10: Thảo luận tại Đại hội

- Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội được phát phiếu đặt câu hỏi/ phát biểu trực tiếp. Các phiếu câu hỏi của Cổ đông sẽ được ban tổ chức chuyển cho Đoàn chủ tọa trả lời, giải đáp.
- Các câu hỏi nên ngắn gọn, tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình nghị sự của Đại hội.

PHẦN II QUY CHẾ BẦU CỬ

Quy chế ứng cử, đề cử đề bầu thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát nhiệm KỲ 2022 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Điều 11: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 28/02/2022 do VSD lập.

Điều 12: Số lượng thành viên HĐQT/BKS

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số lượng thành viên HĐQT : 05 người
- BAN KIỂM SOÁT
Số lượng thành viên BKS : 03 người

Điều 13: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT/ BKS

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

+/ Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

+/ Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 14: Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT/ BKS

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 15: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT/BKS

- Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào BKS bao gồm:

+ Đơn ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS (theo mẫu Công ty); hoặc Biên bản họp nhóm (nếu nhóm cổ đông đề cử);

+ Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu Công ty);

+ Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CMND (hoặc hộ chiếu) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của ứng cử viên;

- Việc ứng cử, đề cử phải được gửi bằng văn bản đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông kiến nghị phải đáp ứng các qui định của Luật Doanh nghiệp. Nội dung đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có kiến nghị khác phải được gửi bằng văn bản đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông kiến nghị phải đáp ứng các qui định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 16: Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu cử TV HĐQT/ BKS.

- Danh sách ứng cử viên TV HĐQT/ BKS đủ điều kiện được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Điều 17: Phương thức bầu cử

- Bầu TV HĐQT/ TV BKS được thực hiện bỏ phiếu bầu theo phương thức bầu dồn phiếu theo qui định của Luật Doanh nghiệp.
- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS.
- Cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một, một số hoặc tất cả các ứng cử viên.

Điều 18: Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Tổ chức Đại hội.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng, lúc này số phiếu bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
 - + Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết được phép bầu của đại biểu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử vào HĐQT/BKS.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Hồ sơ bầu cử sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT/BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 19: Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký Đại hội ghi vào Biên bản đại hội. Biên bản đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc đại hội và được lưu giữ tại Công ty. Ban thư ký đại hội và Chủ tịch đoàn có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của Biên bản đại hội.

Điều 20: Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 22: Khiếu nại

Các vấn đề khiếu nại về Đại hội, biểu quyết, bầu cử và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 23: Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

**CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

- 1. Báo cáo Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
- 2. Báo cáo Ban kiểm soát**
- 3. Các tờ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua**

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 & KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính thưa Đại hội.

Kính thưa Quý cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

Trong năm, HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và mục tiêu hoạt động của Công ty, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021:

- Tổng doanh thu: 1.851 tỷ đồng
- Lãi trước thuế: 216 tỷ đồng
- Lãi sau thuế: 175 tỷ đồng

II. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021

1. Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
3	Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT (không điều hành)
4	Ông Vũ Văn Trục	Ủy viên HĐQT (độc lập)
5	Ông Nguyễn Trường Nam	Ủy viên HĐQT (độc lập)

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2021:

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ và các họp HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các

thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và năm 2021, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong năm 2021, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh và trình ĐHCĐ thường niên 2021. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2021:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/ NQ-HĐQT-2021	26/02/2021	Chốt danh sách tham dự ĐHCĐ thường niên 2021 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020
2	02/ NQ-HĐQT-2021	11/03/2021	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2020 của Công ty
3	03/ NQ-HĐQT-2021	07/06/2021	Chi trả cổ tức còn lại 2021 và tạm ứng cổ tức 2021
4	04/ NQ-HĐQT-2021	08/08/2021	Góp vốn đầu tư vào Công ty Dong Hong Logistics Đà Nẵng
5	05/ NQ-HĐQT-2021	08/10/2021	Tạm ứng 5% cổ tức của năm 2021 và xin ý kiến ĐHCĐBVB
6	06/ NQ-HĐQT-2021	10/12/2021	Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2021 và triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2021 của Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:

Trong năm 2021, mọi hoạt động của công ty đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty. HĐQT đã phối hợp với BKS kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra. Các hoạt động của Công ty cũng đã được công bố thông tin đầy đủ, minh bạch đúng quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

3. Tình hình tài chính của công ty trong năm 2021

Stt	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	702.041.366.073	933.648.493.033	133%
2	Doanh thu thuần	1.203.172.731.199	1.851.648.593.740	154%
3	Lợi nhuận gộp	171.783.794.062	233.519.892.990	136%
4	Lợi nhuận trước thuế	98.409.935.868	216.082.897.255	220%
5	Lợi nhuận sau thuế	82.332.644.998	175.037.638.716	213%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	29%	13%	47%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,763	12,567	218%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

4. Tình hình đầu tư tài chính, góp vốn vào công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết trong năm 2021
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
Công ty Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45%	45%	3.375	45%	45%	3.375
Công ty TNHH SITC Việt Nam	51%	50%	6.136	51%	50%	5.925
Tổng cộng			9.511			9.300

– Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	1.500	1.545	-	1.500	570	(930)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC)	83.216	121.800	-	157.049	291.479	-
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	467	-	-	467	-	-
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	120	-	-	120	-	-
Cộng	85.213	123.345	-	159.136	292.049	(930)

– Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	Hà Nội	150.000 Cổ phần	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	Hải Phòng	5.290.000 Cổ phần	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	Hải Phòng	20,00%	Đại lý vận tải hàng hóa
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	Hải Phòng	1,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

5. Thu nhập HĐQT, Ban TGD & BKS

- Ông Nguyễn Hoàng Anh 1.011 triệu đồng
- Ông Nguyễn Hoàng Dũng 848,8 triệu đồng
- Ông Đặng Trần Phúc 773,8 triệu đồng
- Ông Vũ Văn Trực -
- Ông Nguyễn Trường Nam -

6. Vốn chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- + Số lượng cổ phiếu phát hành: 15.753.069 cổ phiếu
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
(CPQ được mua lại cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc từ các đợt trước đây)
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: 14.023.057 cổ phiếu
- Tháng 5/2021 Công ty đã phát hành thêm 667.764 cổ phiếu ESOP 2020 (đợt 2) cho CBCNV Công ty theo NQ ĐHCĐ thường niên ngày 30/03/2019, tăng vốn điều lệ lên 150.853.050.000 đồng.
- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2021			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2021	Năm 2020	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	1.200	1.851	+154,3%	1.851	1.203	+154%
2	LNST của cổ đông công ty mẹ	68,8	173	+251,6%	173	82,12	+211%

- Tổng doanh thu đạt 1.851 tỷ đồng, vượt 154% kế hoạch năm, tăng trưởng 154% so với cùng kỳ 2020
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 173 tỷ đồng, vượt 251% kế hoạch năm, tăng trưởng 211% so với cùng kỳ 2020

- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh trong năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn vì dịch bệnh covid 19. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch doanh thu lợi nhuận.
- Cơ cấu theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu thuần bán hàng	690	1.151	10,2	1.851
- Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	129,4	99,4	4,7	233,5
- Tổng tài sản	312,4	521,8	4,6	933,6
- Tổng nợ phải trả	107	201	1,05	313,5

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm tăng trưởng tốt so với các năm trước, tổng doanh thu đạt hơn 1.851 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 233,5 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 690 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 37,3% tổng doanh thu nhưng tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 55,4% trong cơ cấu tổng lợi nhuận.
- Doanh thu dịch vụ trong năm tăng cao so với năm trước, doanh thu đạt Forwarding chiếm tỷ trọng 62,2% trên tổng doanh thu, đạt 1,151 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp đạt 99,4 tỷ đồng.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 10,2 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 0,68% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt ~ 2%, đạt 4,7 tỷ đồng.

2. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

a. Chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	702.041.366.073	933.648.493.033	+32,99%
2	Doanh thu thuần	1.203.172.731.199	1.851.648.593.740	+53,90%
3	LN thuần từ HĐKD chính	97.557.073.277	213.958.042.895	+119,32%
4	Lợi nhuận khác	852.862.591	2.124.854.360	+149,14%
5	LN kế toán trước thuế	98.409.935.868	216.082.897.255	+119,57%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	82.332.644.998	175.037.638.716	+112,60%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
7	LNST của cổ đông công ty mẹ	98.409.935.868	216.082.897.255	+119,57%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	29%	13%	-52,96%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,76	2.20
- Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,76	2.20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,31	0.34
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1,46	1.99
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	-
- Doanh thu thuần/tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,71	1.98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	6.84%	9.45%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	54.58%	111.11%
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	11.73%	18.75%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	8.11%	11.56%

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn luôn ở mức cao, đạt 2.20 trong năm 2021, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn như tiền mặt, hàng tồn kho hay các khoản phải thu để chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản trong năm công ty đạt 0.34 và hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu đạt 1.99. Tỷ số nợ của công ty là rất thấp so với công ty cùng ngành và cùng quy mô hoạt động phản ánh việc sử dụng vốn vay rất hiệu quả. Tỷ số nợ càng thấp thì mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Hệ số oanh thu /Tổng tài sản bình quân đạt 1.98 phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của công ty, chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: ROS, ROE, ROA luôn đạt ở mức cao so với công ty cùng ngành, cùng quy mô.

IV. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

HDQT sẽ tiến hành bầu cử HDQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại kỳ họp Đại hội thường niên 2022. HDQT dự kiến kế hoạch 2022 trình ĐHCĐ như sau:

1. Một số chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) KH 22 so với TH21
1	Doanh thu thuần	1,800	1,851	97,2%
2	Lợi nhuận sau thuế cổ đông ty mẹ	150	173	86,7%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng tiền/ cổ phiếu)	Dự kiến 80% LNST	80%	100%

- Tổng doanh thu thuần: 1.800 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 150 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: Dự kiến 80% bằng tiền mặt/cổ phiếu

Vấn đề khác:

- HDQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Đầu tư mua sắm thêm xe vận tải, romooc, xe cont bổ sung phương tiện vận tải.
- Phát triển mạng lưới thông qua việc đầu tư mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng tại các tỉnh miền Trung.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xin trân trọng báo cáo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Kính thưa Đại hội.

Kính thưa Quý cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán;

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hiện tại Ban kiểm soát có 03 thành viên nhiệm kỳ 2017 - 2022, gồm có:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên
3	Trần Thị Ngọc Đào	Thành viên

Trong năm BKS đã thực hiện thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty; đồng thời đánh giá toàn diện công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho công ty trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp HĐQT đều có đầy đủ các thành viên HĐQT, thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị công ty đã có những định hướng mang tính đột phá, năng động, dự báo thị trường và đề ra những chính sách hoạt động Công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh, đầu tư luôn ổn định bền vững.

2. Tình hình tài chính năm 2021

a. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	702.041.366.073	933.648.493.033	+32,99%
2	Doanh thu thuần	1.203.172.731.199	1.851.648.593.740	+53,90%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính	97.557.073.277	213.958.042.895	+119,32%
4	Lợi nhuận khác	852.862.591	2.124.854.360	+149,14%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.409.935.868	216.082.897.255	+119,57%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	82.332.644.998	175.037.638.716	+112,60%
7	LNST của cổ đông công ty mẹ	98.409.935.868	216.082.897.255	+119,57%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	29%	13%	-52,96%

b. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Tài sản ngắn hạn	385.066.003.926	689.908.573.929	179%
2	Tài sản dài hạn	316.975.362.147	243.739.919.104	77%
	Tổng cộng	702.041.366.073	933.648.493.033	

c. Tình hình nợ phải trả

- Tài sản ngắn hạn đạt 689 tỷ đồng, tăng 179% so với năm trước, về TS ngắn hạn tăng chủ yếu từ tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu tăng gấp đôi so với năm trước.
- Tài sản dài hạn là 243 tỷ đồng, tương đương 77% so với năm trước. TS dài hạn giảm chủ yếu từ nguồn đầu tư góp vốn.

a. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Nợ ngắn hạn	218.229.638.113	313.536.769.338	143%
2	Nợ dài hạn	1.430.350.440	-	-
	Tổng cộng	219.659.988.553	219.659.988.553	

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản như phải trả người bán, thuế và các khoản phải trả ngắn hạn khác
- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, logistic... nên bị ảnh hưởng bởi chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay, tuy nhiên Ban điều hành Công ty luôn xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh và luôn bám sát tình hình thị trường để có những quyết sách phù hợp để hoạt động kinh doanh luôn đạt hiệu quả cao.

d. Vốn điều lệ:

- Cổ phần

- + Số lượng cổ phiếu phát hành: 15.753.069 cổ phiếu
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
(CPQ được mua lại cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc từ các đợt trước đây)
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: 14.023.057 cổ phiếu

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 5/2021 Công ty đã phát hành thêm 667.764 cổ phiếu ESOP 2020 (đợt 2) cho CBCNV Công ty theo NQ ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/03/2019, tăng vốn điều lệ lên 150.853.050.000 đồng.

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.
- Trong năm 2021, công ty chưa hoàn tất hồ sơ đăng ký hồ sơ phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho UBCKNN theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VB-/SAFI-2021 ngày 10/12/2021 về việc xin ý kiến ĐHĐCĐ điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức và một số chỉ tiêu tài chính năm 2021 do chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật

B. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Nhìn chung HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã và đang vận hành tốt Công ty theo đúng luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT, thực hiện tốt công tác quản lý kinh doanh, đề ra các chính sách linh hoạt, hiệu quả trong kinh doanh.
- Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Công ty do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán có ý kiến như sau:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung, số liệu báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, trình ĐHĐCĐ thường niên.

C. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2022

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 sẽ tiến hành bầu cử BKS mới theo nhiệm kỳ 2022 – 2017. Tuy nhiên BKS dự thảo kế hoạch hoạt động trình Đại hội thông qua như sau: Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị của Ban điều hành Công ty. Trong năm tài chính 2022, Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

- Xem xét và kiểm tra Báo cáo tài chính các quý, báo cáo soát xét 6 tháng và báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí trong các quý của năm 2022, nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.
- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2022. Xem xét báo cáo soát xét, thư do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.
- Giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về việc tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty đầy đủ, trung thực và tuân thủ quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)
NHỮ ĐÌNH THIÊN

CÁC TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

- 1. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022;**
- 2. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022;**
- 3. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán tài chính năm 2022 cho Công ty;**
- 4. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty;**
- 5. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty;**
- 6. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua giao dịch cổ phiếu quỹ của Công ty**
- 7. Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua số lượng TV HĐQT, BKS và bầu TV HĐQT, TV BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027.**

Số: 01/TT-HĐQT/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

“V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI kính trình Đại hội thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

❖ Tỷ lệ trích lập các quỹ:

Stt	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tỷ lệ % trích quỹ thực hiện	Số tiền (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2021	a		173.223.367.920
1	(*) Cổ tức năm 2021: Tỷ lệ chi trả là cổ tức 2021 80%, trong đó: - Tiền mặt: 30% - Cổ phiếu: 50%	b	- Tiền mặt : 30% * 14.023.057 CP *10.000 đ - Cổ phiếu phát hành: 7.011.528 CP * 10.000 đ	112.184.451.000
2	Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS (3% * LNST theo Báo cáo tài chính riêng)	c	3% * 173.223.367.920 đ	5.196.701.038
3	Trích quỹ đầu tư phát triển (10% * LNST Báo cáo tài chính riêng)	d	1 0% * 173.223.367.920 đ	17.322.336.792
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (e = a – b – c – d)	e		38.519.879.090

(*) Theo NQ ĐHCĐ thường niên ngày 23/04/2021, ĐHCĐ thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức 2021 là 15%, trong năm 2021 HĐQT đã thực hiện việc cơ cấu hoạt động tài chính và HĐQT Công ty đã xin ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản vào tháng 12/2021 để điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức lên 80% (trong đó 30% là tiền mặt - đã tạm ứng 15% và 50% bằng cổ phiếu). Công ty đã nộp hồ sơ cho UBCKNN nhưng chưa được chấp thuận do chưa đáp ứng điều kiện.

Nguồn phân bổ lợi nhuận từ lợi nhuận chưa phân phối và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ: 157.530.690.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.023.057 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành (nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.011.528 cổ phiếu (có thể bị điều chỉnh tại thời điểm phát hành do thay đổi tỷ lệ phát hành hoặc thay đổi số lượng cổ phiếu phát hành)
- Giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 70.115.280.000 đồng
- Nguồn vốn phát hành: Nguồn vốn từ lợi nhuận giữ lại theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức. (cổ phiếu quỹ sẽ không được thực hiện quyền)
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền
- Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Số cổ phiếu cổ đông nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân nếu có sẽ hủy bỏ.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 115 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu là 2:1, khi đó số lượng cổ phiếu của cổ đông A nhận được là: $(115/2) \times 1 = 57.5$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì cổ đông A sẽ nhận được 57 cổ phiếu, 0.5 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

+/ Ủy quyền cho HĐQT thực hiện tất các thủ tục cần thiết nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Quyết định phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chỉnh sửa phương án và lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cũng như quyết định số lượng cổ phiếu phát hành thực tế
- Thực hiện việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều chỉnh điều lệ phần vốn điều lệ theo số vốn thực tế phát hành
- Thực hiện các thủ tục pháp lý về chi trả cổ tức tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %
1	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu	Dự kiến 80% LNST

- Thời gian thực hiện và mức tạm ứng cổ tức, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty.
- Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Số: 02/TT-HĐQT/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

- “V/v: Ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021
và kế hoạch phân bổ ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022”
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
 - Căn cứ BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty;
 - Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI kính trình Đại hội thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1. Thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã thông qua việc trích 3%/LNST cho ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/SAFI-2021 ngày 23/04/2021) như sau:

Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2021	Tỷ lệ trích	Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS
173.223.367.920 đồng	3%	5.196.701.038 đồng

2. Thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

- Căn cứ xác định kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021:
 - Số lượng thành viên HĐQT và số lượng thành viên BKS năm 2017–2022.
 - Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022.
 - Tham khảo mức chi thù lao của HĐQT và BKS của một số doanh nghiệp cùng quy mô, ngành nghề, địa bàn kinh doanh.
- Đề xuất của Hội đồng quản trị
Để kế hoạch hoá và quản lý chi phí, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức kinh phí hoạt động cho HĐQT và BKS năm 2022 là 3% lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022.
Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Số: 03/TT-BKS/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

“V/v: Lựa chọn tổ chức kiểm toán tài chính năm 2022 cho Công ty”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;

Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập

- Chọn tổ chức kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua danh sách lựa chọn tổ chức kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn tổ chức kiểm toán phù hợp theo danh sách như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte);
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY);
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
4. Công ty TNHH Kiểm toán ERNST & YOUNG Việt Nam - E&Y;
5. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)
NHỮ ĐÌNH THIÊN

Số: 04/TT-HĐQT/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

“V/v: Xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 49%”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;

HĐQT xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 49%. Đảm bảo tuân thủ, thực hiện đúng ngành nghề đầu tư kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về xác định ngành nghề đầu tư kinh doanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Xin cảm ơn Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Số: 05/TT-HĐQT/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

“V/v: Thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu ESOP theo
Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 03/03/2019”.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ TN số 01/NQ-ĐHĐCĐ/SAFI-2019 ngày 03/03/2019 của Công ty

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI kính trình Đại hội thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (ESOP) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 03/03/2019 của Công ty như sau:

Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP 02 (hai) đợt trong năm 2020 và 2021. Theo kế hoạch, Công ty sẽ tiếp tục phát hành đợt thứ 3 trong năm 2022, HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 5 năm, 3 năm đầu sẽ hạn chế chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu đã phát hành, hết năm thứ 3 kể từ khi kết thúc đợt phát hành sẽ được chuyển nhượng 50% cổ phiếu, hết năm thứ 5 kể từ khi kết thúc đợt phát hành sẽ được chuyển nhượng 50% cổ phiếu còn lại.
- Các nội dung khác của phương án phát hành là không đổi.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Số: 06/TT-HĐQT/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

“V/v: Thông qua giao dịch cổ phiếu quỹ của Công ty”.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI kính trình Đại hội thông qua việc bán 1.730.012 cổ phiếu quỹ của Công ty. Nguyên tắc xác định giá bán cổ phiếu quỹ trên hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận, thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng chi tiết phương án bán cổ phiếu quỹ, lựa chọn công ty chứng khoán và thời điểm thuận lợi để giao dịch; thực hiện các thủ tục đăng ký hồ sơ giao dịch cổ phiếu quỹ tại UBCKNN theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Số: 07/TT-HĐQT/SAFI-2022

Tp.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

“V/v: Thông qua số lượng, danh sách bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 5 năm giai
đoạn 2022 - 2027”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua số lượng thành viên BKS/ thành viên HĐQT
2. Thông qua danh sách thành viên BKS/ thành viên HĐQT
3. Thông qua việc bầu cử thành viên BKS/ thành viên HĐQT

(Hồ sơ tài liệu của người ứng cử, đề cử được CBTT và đính kèm tại Đại hội)

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Các phụ lục đính kèm

1. Báo cáo tài chính công ty riêng đã kiểm toán năm 2021 của CTCP Đại lý Vận tải SAFI;
2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của CTCP Đại lý Vận tải SAFI;
3. Các tài liệu liên quan khác

Xin Quý cổ đông vui lòng xem đầy đủ chi tiết các phụ lục trên website : www.safi.com.vn hoặc trên các phương tiện công bố thông tin theo qui định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử đề cử thành viên HĐQT/BKS)

- Họ và tên :
- Giới tính :
- Số CMND : Ngày cấp: Nơi cấp:
- Ngày sinh :
- Nơi sinh :
- Quê quán :
- Dân tộc :
- Quốc tịch :
- Địa chỉ thường trú :
- Số điện thoại liên lạc :
- Trình độ học vấn :
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

- Chức vụ hiện nay tại Công ty và tổ chức khác:
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: cổ phiếu
- Trong đó: Sở hữu: cổ phiếu
- Ủy quyền đại diện: cổ phiếu
- Người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty:
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- Hành vi vi phạm pháp luật:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2022
NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ỨNG CỬ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Tôi tên là:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu : cổ phần.

(*Bằng chữ*: *cổ phần*).

Tương ứng: % VĐL.

Đề nghị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi cho tôi được ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát của Công ty nhiệm 2022 - 2027 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ... tháng ... năm 2022

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi, đại diện cho cổ phần, tương đương với% vốn điều lệ, đề nghị Công ty cho chúng tôi được đề cử:

Ông/Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu / đại diện sở hữu: cổ phần.

(*Bằng chữ:* *cổ phần*).

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Họ tên ứng cử viên :

CMND số : Ngày cấp : Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú :

Stt	Họ tên cổ đông	CMND hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký tên xác nhận
01					
02					
03					
04					
05					
06					
07					
08					
09					
10					
11					
12					
20					
Tổng cộng					
Chiếm tỷ lệ					

Số: _____/NQ-ĐHĐCĐ/SAFI-2022

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI;
- Căn cứ kết quả biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị & Ban Tổng Giám đốc Công ty; Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty; Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 và Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty năm 2021;

1. Kết quả kinh doanh năm 2021 (hợp nhất)

- Tổng doanh thu: 1.851 tỷ đồng

- Lãi trước thuế: 216 tỷ đồng

- Lãi sau thuế: 175 tỷ đồng

2. Các chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty

- Tổng doanh thu: 1.800 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 102,4 tỷ đồng

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: Tối thiểu 15% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 & kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.

Tỷ lệ biểu quyết:

- Đồng ý ...% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

❖ Tỷ lệ trích lập các quỹ:

Stt	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tỷ lệ % trích quỹ thực hiện	Số tiền (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2021	a		173.223.367.920
1	(*) Cổ tức năm 2021: Tỷ lệ chi trả là cổ tức 2021 80%, trong đó: - Tiền mặt: 30% - Cổ phiếu: 50%	b	- Tiền mặt : 30% * 14.023.057 CP * 10.000 đ - Cổ phiếu phát hành: 7.011.528 CP * 10.000 đ	112.184.451.000
2	Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS (3% * LNST theo Báo cáo tài chính riêng)	c	3% * 173.223.367.920 đ	5.196.701.038
3	Trích quỹ đầu tư phát triển (10% * LNST Báo cáo tài chính riêng)	d	1 0% * 173.223.367.920 đ	17.322.336.792
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (e = a – b – c – d)	e		38.519.879.090

(*) Theo NQ ĐHĐCĐ thường niên ngày 23/04/2021, ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức 2021 là 15%, trong năm 2021 HĐQT đã thực hiện việc cơ cấu hoạt động tài chính và

HĐQT Công ty đã xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản vào tháng 12/2021 để điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức lên 80% (trong đó 30% là tiền mặt - đã tạm ứng 15% và 50% bằng cổ phiếu). Công ty đã nộp hồ sơ cho UBCKNN nhưng chưa được chấp thuận do chưa đáp ứng điều kiện.

2. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ: 157.530.690.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.023.057 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành (nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.011.528 cổ phiếu (có thể bị điều chỉnh tại thời điểm phát hành do thay đổi tỷ lệ phát hành hoặc thay đổi số lượng cổ phiếu phát hành)
- Giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 70.115.280.000 đồng
- Nguồn vốn phát hành: Nguồn vốn từ lợi nhuận giữ lại theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức. (cổ phiếu quỹ sẽ không được thực hiện quyền)
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền
- Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Số cổ phiếu cổ đông nhận được sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân nếu có sẽ hủy bỏ.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 115 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu là 2:1, khi đó số lượng cổ phiếu của cổ đông A nhận được là: $(115/2) \times 1 = 57.5$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì cổ đông A sẽ nhận được 57 cổ phiếu, 0.5 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

+/ Ủy quyền cho HĐQT thực hiện tất các thủ tục cần thiết nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Quyết định phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chỉnh sửa phương án và lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cũng như quyết định số lượng cổ phiếu phát hành thực tế
- Thực hiện việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều chỉnh điều lệ phần vốn điều lệ theo số vốn thực tế phát hành
- Thực hiện các thủ tục pháp lý về chi trả cổ tức tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022

Stt	Chi tiêu	Tỷ lệ %
1	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu	Dự kiến 80% LNST

- Thời gian thực hiện và mức tạm ứng cổ tức, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty.
- Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI.

Thời gian thực hiện, mức tạm ứng cổ tức và thủ tục pháp lý chi trả cổ tức. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 4. Thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch phân bổ ngân sách của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022.

1. Thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2021	Tỷ lệ trích	Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS
173.223.367.920 đồng	3%	5.196.701.038 đồng

2. Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022: Mức trích ngân sách là 3% lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 5. Thông qua lựa chọn tổ chức kiểm toán tài chính năm 2022 cho Công ty.

Đại hội thống nhất thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 cho Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;
- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 6. ĐHĐCĐ thông qua việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 49% VDL.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 7. ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2019 - 2022.

Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP 02 (hai) đợt trong năm 2020 và 2021. Theo kế hoạch, Công ty sẽ tiếp tục phát hành đợt thứ 3 trong năm 2022. ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 5 năm, 3 năm đầu sẽ hạn chế chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu đã phát hành, hết năm thứ 3 kể từ khi kết thúc đợt phát hành sẽ được chuyển nhượng 50% cổ phiếu, hết năm thứ 5 kể từ khi kết thúc đợt phát hành sẽ được chuyển nhượng 50% cổ phiếu còn lại.
- Các nội dung khác của phương án phát hành là không đổi.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 8. ĐHĐCĐ thông qua việc giao dịch cổ phiếu quỹ công ty theo phương thức khớp lệnh trên thị trường chứng khoán.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:

- Đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không đồng ý% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Không có ý kiến% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội;

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI thông qua toàn bộ nội dung Nghị quyết này. Tỷ lệ biểu quyết thông qua là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI**

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 20 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		689.908.573.929	385.066.003.926
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	231.546.309.493	136.330.512.608
111	1. Tiền		196.416.309.493	129.830.512.608
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.130.000.000	6.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	46.142.961.628	3.921.608.618
121	1. Chứng khoán kinh doanh		46.986.925.913	3.921.608.618
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(843.964.285)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		402.341.122.947	236.123.872.787
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	321.377.165.247	206.782.797.970
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.722.236.279	3.972.939.963
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	79.241.721.421	25.368.134.854
140	IV. Hàng tồn kho	8	762.777.306	274.089.186
141	1. Hàng tồn kho		762.777.306	274.089.186
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.115.402.555	8.415.920.727
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		569.084.250	1.920.626.200
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.160.653.834	6.360.984.069
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	385.664.471	134.310.458
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		243.739.919.104	316.975.362.147
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		250.473.600	250.473.600
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	250.473.600	250.473.600
220	II. Tài sản cố định		74.310.518.982	80.143.009.463
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	69.160.025.558	74.663.742.443
222	- Nguyên giá		193.845.123.928	181.387.736.199
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(124.685.098.370)	(106.723.993.756)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.150.493.424	5.479.267.020
228	- Nguyên giá		9.114.819.453	9.114.819.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.964.326.029)	(3.635.552.433)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	66.140.792.692	68.224.380.838
231	- Nguyên giá		99.465.396.767	98.875.436.767
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.324.604.075)	(30.651.055.929)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	7.858.118.199	850.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.858.118.199	850.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	94.725.470.176	167.507.498.246
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		9.511.861.176	9.300.583.400
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.213.609.000	159.136.914.846
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(930.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		454.545.455	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		454.545.455	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		933.648.493.033	702.041.366.073

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, đường Nguyễn Văn Thủ,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		313.536.769.338	219.659.988.553
310	I. Nợ ngắn hạn		313.536.769.338	218.229.638.113
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	263.185.430.749	200.826.214.849
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.971.200	375.798.581
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.051.331.666	3.232.515.482
314	4. Phải trả người lao động		9.321.920.200	8.401.318.300
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	12.880.773.935	3.059.425.107
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.095.341.588	2.334.365.794
330	II. Nợ dài hạn		-	1.430.350.440
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	-	1.430.350.440
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		620.111.723.695	482.381.377.520
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	620.111.723.695	482.381.377.520
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		157.530.690.000	150.853.050.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		157.530.690.000	150.853.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.882.847.992	26.882.847.992
415	3. Cổ phiếu quỹ		(17.300.120.000)	(17.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		54.564.335.341	46.369.119.082
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		203.271.078.186	152.005.636.236
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		191.336.991.829	121.714.867.858
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		39.303.862.608	39.594.379.840
421b	LNST chưa phân phối năm nay		152.033.129.221	82.120.488.018
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.825.900.347	1.855.976.352
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		933.648.493.033	702.041.366.073


Đoàn Thu Hà
Người lập


Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.851.648.593.740	1.203.172.731.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.851.648.593.740	1.203.172.731.199
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.618.128.700.750	1.031.388.937.137
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		233.519.892.990	171.783.794.062
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	76.521.743.354	16.919.585.665
22	7. Chi phí tài chính	21	915.220.222	(5.073.801.005)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.501.887	38.927
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		211.277.776	738.724.304
25	9. Chi phí bán hàng	22	76.037.359.744	77.664.429.853
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	19.342.291.259	19.294.401.906
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		213.958.042.895	97.557.073.277
31	12. Thu nhập khác	24	2.194.463.133	933.525.029
32	13. Chi phí khác		69.608.773	80.662.438
40	14. Lợi nhuận khác		2.124.854.360	852.862.591
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		216.082.897.255	98.409.935.868
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	41.045.258.539	16.077.290.870
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>175.037.638.716</u>	<u>82.332.644.998</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		173.067.714.721	82.120.488.018
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.969.923.995	212.156.980
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	12.567	5.763



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng




Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		216.082.897.255	98.409.935.868
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		21.334.296.186	22.332.653.544
03	- Các khoản dự phòng		(86.035.715)	(7.031.533.346)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(157.856.349)	(823.628.908)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(73.839.713.893)	(16.115.295.176)
06	- Chi phí lãi vay		7.501.887	38.927
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.341.089.371	96.772.170.909
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(168.016.919.925)	(52.238.586.687)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(488.688.120)	6.723.600.678
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		71.335.285.469	125.502.156.576
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(240.808.104)	(1.845.246.200)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(43.065.317.295)	(3.921.608.618)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.501.887)	(38.927)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.653.521.018)	(14.707.533.164)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(594.613.460)	(1.111.465.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.609.005.031	155.173.448.725
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.391.506.783)	(12.144.789.005)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		19.000.000	466.363.636
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(59.747.131.500)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		139.262.402.585	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.270.339.378	15.336.787.505
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		128.160.235.180	(56.088.769.364)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		6.677.640.000	7.107.280.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.633.272.662)
33	3. Tiền thu từ đi vay		6.621.330.432	52.052.514.483
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.621.330.432)	(52.052.514.483)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(41.388.939.675)	(20.022.576.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.711.299.675)	(43.548.569.562)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		95.057.940.536	55.536.109.799
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		136.330.512.608	79.970.773.901
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		157.856.349	823.628.908
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>231.546.309.493</u>	<u>136.330.512.608</u>

Đoàn Thu Hà

Nguyễn Thanh Tuyền



Nguyễn Hoàng Anh

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 20 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		660.380.348.674	359.593.551.933
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	223.646.551.483	126.361.538.941
111	1. Tiền		188.516.551.483	119.861.538.941
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.130.000.000	6.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	46.142.961.628	3.921.608.618
121	1. Chứng khoán kinh doanh		46.986.925.913	3.921.608.618
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(843.964.285)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		384.088.059.909	225.247.462.407
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	309.284.280.015	196.181.423.590
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.673.997.559	3.972.939.963
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	73.129.782.335	25.093.098.854
140	IV. Hàng tồn kho	8	762.777.306	274.089.186
141	1. Hàng tồn kho		762.777.306	274.089.186
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.739.998.348	3.788.852.781
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		569.084.250	1.920.626.200
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.170.914.098	1.868.226.581
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		234.669.832.485	308.004.964.198
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		250.473.600	250.473.600
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	250.473.600	250.473.600
220	II. Tài sản cố định		74.310.518.982	80.127.203.904
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	69.160.025.558	74.663.742.443
222	- Nguyên giá		193.845.123.928	181.387.736.199
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(124.685.098.370)	(106.723.993.756)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.150.493.424	5.463.461.461
228	- Nguyên giá		9.001.019.453	9.001.019.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.850.526.029)	(3.537.557.992)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.870.313.600	850.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	5.870.313.600	850.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	153.783.980.848	226.777.286.694
251	1. Đầu tư vào công ty con		61.566.300.000	61.566.300.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.979.124.000	7.979.124.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.213.609.000	159.136.914.846
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(975.052.152)	(1.905.052.152)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		454.545.455	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		454.545.455	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		895.050.181.159	667.598.516.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		299.613.402.844	208.077.813.195
310	I. Nợ ngắn hạn		299.613.402.844	208.077.813.195
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	260.139.318.375	190.965.798.938
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.971.200	23.934.977
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	23.193.136.076	3.300.533.921
314	4. Phải trả người lao động		9.321.920.200	8.401.318.300
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.861.715.405	3.051.861.265
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.095.341.588	2.334.365.794
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		595.436.778.315	459.520.702.936
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	595.436.778.315	459.520.702.936
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		157.530.690.000	150.853.050.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		157.530.690.000	150.853.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.882.847.992	26.882.847.992
415	3. Cổ phiếu quỹ		(17.300.120.000)	(17.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		54.564.335.341	46.369.119.082
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		203.271.078.186	152.005.636.236
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		170.487.946.796	100.710.169.626
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.299.164.376	18.758.007.040
421b	LNST chưa phân phối năm nay		152.188.782.420	81.952.162.586
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		895.050.181.159	667.598.516.131

Đoàn Thu Hà

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.806.279.643.897	1.161.315.471.262
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.806.279.643.897	1.161.315.471.262
11	4. Giá vốn hàng bán	18	1.582.305.973.566	1.000.159.387.502
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		223.973.670.331	161.156.083.760
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	83.466.584.932	24.167.749.394
22	7. Chi phí tài chính	20	755.302.880	(5.345.478.022)
23	<i>Ti.ong đó: Chi phí lãi vay</i>		7.501.887	38.927
25	8. Chi phí bán hàng	21	76.199.748.744	77.678.429.853
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	17.572.226.327	16.985.878.643
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		212.912.977.312	96.005.002.680
31	11. Thu nhập khác	23	25.763.600	933.525.029
32	12. Chi phí khác	24	69.608.773	45.286.234
40	13. Lợi nhuận khác		(43.845.173)	888.238.795
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		212.869.132.139	96.893.241.475
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	39.645.764.219	14.941.078.889
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>173.223.367.920</u>	<u>81.952.162.586</u>



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		212.869.132.139	96.893.241.475
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		18.644.942.481	19.409.480.244
03	- Các khoản dự phòng		(86.035.715)	(7.031.533.346)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(195.743.919)	499.302.531
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(80.575.934.414)	(22.869.403.293)
06	- Chi phí lãi vay		7.501.887	38.927
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		150.663.862.459	86.901.126.538
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(162.143.285.019)	(43.679.616.039)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(488.688.120)	6.723.600.678
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		69.922.820.772	115.091.051.375
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		896.996.495	(1.845.246.200)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(43.065.317.295)	(3.921.608.618)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.501.887)	(38.927)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.931.399.124)	(12.784.635.095)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(594.613.460)	(1.111.465.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.747.125.179)	145.373.167.870
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.951.546.783)	(12.144.789.005)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		19.000.000	466.363.636
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(59.747.131.500)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		139.262.402.585	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.217.837.675	22.829.619.926
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		136.547.693.477	(48.595.936.943)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		6.677.640.000	7.107.280.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.633.272.662)
33	3. Tiền thu từ đi vay		6.621.330.432	52.052.514.483
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.621.330.432)	(52.052.514.483)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(41.388.939.675)	(20.022.576.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.711.299.675)	(43.548.569.562)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		97.089.268.623	53.228.661.365
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		126.361.538.941	73.632.180.107
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		195.743.919	(499.302.531)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>223.646.551.483</u>	<u>126.361.538.941</u>





Đoàn Thu Hà
Người lậpNguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021